

Tăng cường ứng dụng KH&CN trong phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của vùng Tây Nguyên

Lê Tất Khương, Chu Huy Tường, Đặng Ngọc Vượng

Viện Nghiên cứu và phát triển vùng, Bộ KH&CN

Với điều kiện đất đai, khí hậu thích hợp cho nhiều loại cây trồng, khu vực Tây Nguyên đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung có quy mô lớn về cây cà phê, hồ tiêu, cao su, điều, chè, ngô, sắn..., góp phần quan trọng vào phát triển của ngành nông nghiệp nói riêng, kinh tế - xã hội nói chung. Tuy nhiên thực tế cho thấy, sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên là thế mạnh nhưng chưa được khai thác thật sự hiệu quả. Năng suất lao động còn thấp, các sản phẩm nông sản hàng hóa chủ yếu xuất khẩu thô nên giá trị gia tăng và sức cạnh tranh thấp; việc ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) vào sản xuất, bảo quản, chế biến nông sản còn hạn chế... Để thúc đẩy phát triển các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Tây Nguyên, trong thời gian tới cần phải có những giải pháp đồng bộ, trong đó cần tăng cường ứng dụng KH&CN vào sản xuất.

Thực trạng sản xuất một số sản phẩm nông nghiệp chủ lực của Tây Nguyên

Với lợi thế về tự nhiên, nhiều sản phẩm nông nghiệp của Tây Nguyên đã từng bước khẳng định giá trị và vị trí của mình trên thị trường trong nước và quốc tế, trong đó nổi bật là cà phê, hồ tiêu, ngô, sắn, điều, chè, cao su, rau - hoa.

Sản xuất cà phê

Cà phê Tây Nguyên chiếm hầu hết diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam, trở thành cây trồng có ưu thế tuyệt đối của vùng, góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia sản xuất, xuất khẩu cà phê đứng thứ 2 trên thế giới (đứng số 1 thế giới về sản xuất, xuất khẩu cà phê vối). Hiện nay, tổng diện tích cà phê của vùng Tây Nguyên là hơn 570 nghìn ha, chiếm gần 90% diện tích cà phê của cả nước. Giá trị sản xuất do cà phê mang lại đạt hơn 53 nghìn tỷ đồng/năm, chiếm hơn 41% tỷ

trọng ngành nông nghiệp của vùng Tây Nguyên. Đây là cây trồng đã và đang giúp khai thác tốt tiềm năng và thế mạnh của vùng.

Trong những năm gần đây, nhiều tiến bộ kỹ thuật được áp dụng thành công (từ khâu giống đến kỹ thuật canh tác, sơ chế, bảo quản và chế biến), tuy nhiên do tác động của biến đổi khí hậu, nhiều vùng trồng cà phê ở Tây Nguyên bị khô hạn, năng suất giảm. Các công nghệ tưới tiết kiệm cho cà phê đã được nghiên cứu và áp dụng để khắc phục điều kiện thời tiết bất lợi và bước đầu cho kết quả tốt. Một trong những khó khăn của sản xuất cà phê ở Tây Nguyên hiện nay là diện tích cà phê tái canh lớn, việc đầu tư chế biến sâu còn nhiều hạn chế, xuất khẩu chủ yếu ở dạng sản phẩm thô nên giá trị gia tăng không cao.

Sản xuất hồ tiêu

Hồ tiêu là cây trồng quan trọng của vùng Tây Nguyên. Năm 2015, tổng giá trị sản xuất hồ tiêu toàn vùng đạt hơn 10 nghìn tỷ đồng (chiếm gần 8% tỷ trọng trong ngành trồng trọt của Tây Nguyên), góp phần đưa Việt Nam trở thành quốc gia xuất khẩu hồ tiêu đứng đầu thế giới. Hiện nay, diện tích trồng hồ tiêu của Tây Nguyên là trên 70 nghìn ha, chiếm hơn 60% diện tích của cả nước. Năng suất trung bình của vùng đạt hơn 31 tạ/ha, cao hơn gần 20% so với trung bình của cả nước. Các tỉnh trồng hồ tiêu trọng điểm của Tây Nguyên là Đắk Lắk, Gia Lai và Đắk Nông.

Trong những năm qua, nhiều tiến bộ kỹ thuật đã được áp dụng vào sản xuất hồ tiêu như tưới tiết kiệm nước kết hợp với dinh dưỡng bằng công nghệ tưới nhỏ giọt, kỹ thuật phòng trừ sâu bệnh... Tuy nhiên, ngành sản xuất hồ tiêu ở đây vẫn còn thiếu tính bền vững,

bộc lộ nhiều yếu kém, sản phẩm chủ yếu chế biến thô, sản xuất tự phát, thiếu quy hoạch, môi trường bị suy thoái, ảnh hưởng đến năng suất, sản lượng, chất lượng sản phẩm, đặc biệt việc áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất còn nhiều hạn chế...

Bên cạnh những ưu điểm từ các giống tiêu đang được trồng ở địa phương thì nhược điểm lớn là tỷ lệ nhiễm bệnh chết nhanh, chết chậm ngày càng tăng. Phần lớn các giống hồ tiêu do người dân tự đề giống, tự ương và sử dụng, còn các giống được bán ngoài thị trường đều không thực hiện đúng Pháp lệnh giống cây trồng năm 2004 như: Không rõ nguồn gốc, không có vườn giống đầu dòng...

Sản xuất các cây trồng khác

Ngô:

Sản xuất ngô ở Tây Nguyên chiếm hơn 20% về diện tích và 24,5% về sản lượng so với cả nước, năng suất bình quân cao hơn cả nước gần 20%. Có thể nói, việc phát triển sản xuất ngô của vùng là một lợi thế so sánh để cung cấp nguồn nguyên liệu cho ngành chế biến thức ăn chăn nuôi đang ngày càng thiết hụt ở Việt Nam.

Hiện nay, các giống ngô được sử dụng chủ yếu là của các công ty đa quốc gia như CP Việt Nam, Syngenta, Dekalb thuộc Monsanto (Hoa Kỳ), Advanta, Bioseed... Các giống ngô mới đã góp phần tăng năng suất, sản lượng, đáp ứng yêu cầu phát triển theo hướng hàng hoá. Ngoài các giống ngô lai, một số giống ngô biến đổi gen kháng thuốc trừ cỏ, kháng sâu đục thân cũng đã được thí điểm sản xuất (khoảng hơn 100 ha). Sản xuất ngô ở Tây Nguyên cũng đã áp dụng cơ giới hóa trong các khâu làm đất, tưới nước, tách hạt và vận chuyển.

Tuy nhiên, máy gieo hạt kết hợp bón phân cho ngô chỉ dừng ở giai đoạn trình diễn và thử nghiệm; diện tích ngô lai còn manh mún, sản xuất phân tán, chưa thành vùng chuyên canh.

Sắn:

Sắn là một cây trồng chủ lực của vùng Tây Nguyên với tổng diện tích gần 160 nghìn ha, chiếm hơn 28% tổng diện tích trồng sắn của cả nước, tuy nhiên năng suất bình quân của vùng chỉ bằng 94,37% so với cả nước. Bên cạnh giống chủ lực KM94, trong thời gian vừa qua nhiều giống mới có năng suất, chất lượng cao và phù hợp cho chế biến công nghiệp đã được chọn tạo và ứng dụng vào sản xuất như: KM98-5, KM140, HL-S10, HL-S11 (năng suất đạt 40-50 tấn/ha, hàm lượng tinh bột 27-31%). Tuy nhiên, việc phát triển sắn ở vùng Tây Nguyên cũng gặp phải một số thách thức như: Đầu tư cho nghiên cứu về cây sắn còn thấp, nhất là nghiên cứu chọn tạo giống; bộ giống sắn đang bị thoái hóa và nhiễm sâu bệnh hại rất nặng; việc canh tác không theo quy hoạch, dẫn đến phá rừng, gây ô nhiễm môi trường, làm thoái hóa đất; cơ giới hóa còn yếu, chưa đáp ứng được bài toán về hạ giá thành sản xuất; công nghệ chế biến chưa tạo ra được những sản phẩm có giá trị cao; giá không ổn định, thị trường xuất khẩu chủ yếu lệ thuộc vào bạn hàng Trung Quốc; chưa có nhiều chính sách khuyến nông và bảo hộ cho nông dân trồng sắn ở vùng sâu, vùng xa.

Cao su, điều và chè:

Cao su là sản phẩm chủ lực của vùng Tây Nguyên với tổng diện tích trồng toàn vùng hiện nay là hơn 250 nghìn ha (chiếm 27% diện tích của cả nước), tuy nhiên năng suất chỉ bằng 84,5%

so với cả nước do điều kiện thời tiết không thuận lợi; đất dốc, thoái hóa, bạc màu; trình độ canh tác thấp... Tổng giá trị sản xuất cao su hiện nay đạt gần 6 nghìn tỷ đồng, chiếm gần 5% tỷ trọng sản xuất nông nghiệp của Tây Nguyên.

Điều cũng là sản phẩm xuất khẩu có giá trị cao của Tây Nguyên. So với cả nước, diện tích trồng điều ở Tây Nguyên hiện nay chiếm gần 30% nhưng năng suất trung bình chỉ bằng 77,3%. Nguyên nhân của hạn chế này chủ yếu do canh tác trên đất xấu, dốc, ít được đầu tư thâm canh. Hiện mô hình trồng điều cao sản trong vùng cũng đã được nghiên cứu với năng suất đạt trên 20 tấn/ha, tuy nhiên diện tích này vẫn chưa được mở rộng để khai thác tối đa tiềm năng, thế mạnh của loại cây này.

Tính đến năm 2016, tổng diện tích chè của Tây Nguyên là hơn 20 nghìn ha (riêng diện tích chè của Lâm Đồng là 19,9 nghìn ha), chiếm 18,1% diện tích chè của cả nước. Năng suất chè bình quân của vùng đạt gần 113 tạ/ha (cao hơn 31% so với năng suất trung bình của cả nước). Điểm mạnh của chè ở Tây Nguyên so với các vùng khác là có điều kiện đất đai, khí hậu thuận lợi, giống chè chủ lực là chè Shan và các giống chất lượng cao phù hợp cho chế biến chè Ô Long. Ngoài ra, sản xuất chè ở vùng Tây Nguyên cũng được đầu tư thâm canh cao hơn các vùng khác. Sản phẩm chè sau chế biến cũng đa dạng, từ chè xanh thường, chè xanh ướp hương đến các loại chè Ô Long để cung cấp cho các thị trường khó tính như Nhật Bản, EU, Đài Loan, Trung Đông.

Rau - hoa:

Số liệu thống kê năm 2015

cho thấy, tổng diện tích rau - hoa của vùng Tây Nguyên là hơn 150 nghìn ha (chiếm hơn 16% diện tích của cả nước), năng suất trung bình cao hơn 3,3 lần so với cả nước. Tuy nhiên, diện tích rau - hoa tập trung chủ yếu ở Lâm Đồng, các tỉnh khác chủ yếu là rau tự cung, tự cấp cho người dân trên địa bàn tỉnh.

Nhiều tiến bộ kỹ thuật của thế giới đã được áp dụng vào sản xuất rau - hoa ở Tây Nguyên, trong đó tập trung chủ yếu ở Đà Lạt, Lâm Đồng như: Nuôi cấy mô trong sản xuất cây giống đại trà, các công nghệ tưới tiết kiệm nước, sử dụng đèn Led để điều tiết ánh sáng, sử dụng nhà kính, nhà lưới để đảm bảo điều kiện khí hậu, sử dụng hệ thống dinh dưỡng hòa tan theo nhu cầu của cây... Những bước tiến vượt bậc về công nghệ sản xuất rau - hoa ở Lâm Đồng đã, đang và sẽ là hạt nhân trong việc nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất nông nghiệp tại Việt Nam. Đây là mô hình cần được nghiên cứu và mở rộng ở những địa phương có điều kiện tương tự.

Giải pháp phát triển trong thời gian tới

Từ thực trạng nêu trên, để phát triển bền vững các sản phẩm nông nghiệp chủ lực của vùng Tây Nguyên, trong thời gian tới cần phải quy hoạch các vùng sản xuất hàng hóa tập trung quy mô đủ lớn, có khả năng cơ giới hóa ở nhiều khâu để giảm áp lực lao động, hạ giá thành sản phẩm và nâng cao hiệu quả kinh tế; tăng cường khai thác tiềm năng của vùng, của địa phương, tạo ra các sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao, xây dựng chỉ dẫn địa lý, đăng ký nhãn hiệu hàng hóa cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù của địa phương; khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp

đầu tư, liên kết với nông dân sản xuất chế biến nông sản, đầu tư vào các sản phẩm nông nghiệp chủ lực, sản phẩm đặc thù theo chuỗi giá trị. Đặc biệt, trước tác động của biến đổi khí hậu ở Việt Nam nói chung, Tây Nguyên nói riêng, cần phải tăng cường hơn nữa việc ứng dụng KH&CN vào sản xuất. Cụ thể, đối với sản xuất nông nghiệp ở Tây Nguyên, việc ứng dụng KH&CN cần tập trung giải quyết một số vấn đề sau:

Một là, nghiên cứu chọn tạo, xác định bộ giống cây trồng không chỉ có năng suất cao mà phải có chất lượng vượt trội, phù hợp với điều kiện sinh thái, thích ứng với biến đổi khí hậu và yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Nhà nước cần có biện pháp quản lý chất lượng trong bối cảnh một số cây trồng phát triển diện tích nhanh như hiện nay. Bên cạnh việc nghiên cứu chọn tạo những giống cây trồng mới, cần có phương án bảo tồn, phục tráng những nguồn giống cây trồng quý bản địa.

Hai là, nghiên cứu ứng dụng và chuyển giao thành công các công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, công nghệ cao để tạo bước đột phá về năng suất, chất lượng và hạ giá thành sản phẩm, đáp ứng được yêu cầu ngày càng cao của thị trường. Việc triển khai mô hình ứng dụng công nghệ cao cần tiến hành đồng bộ giữa các khâu, từ việc lựa chọn bộ giống thích hợp, xây dựng hạ tầng, chuỗi cung ứng vật tư đến đào tạo nguồn nhân lực có đủ trình độ và xác định được thị trường nhằm đảm bảo sự thành công.

Ba là, cần có đề án tổng thể thích ứng với biến đổi khí hậu, trong đó đưa ra các giải pháp KH&CN một cách đồng bộ, từ chọn tạo, sử dụng giống chịu hạn, kỹ thuật tưới nước, che phủ giữ ẩm,

bón phân hợp lý cho đến các biện pháp phòng trừ sâu bệnh hại tổng hợp trên các đối tượng cây trồng cụ thể. Tăng cường đa dạng sinh học trên vườn cà phê như trồng cây che bóng, cây ăn trái, cây đai rừng - đây là giải pháp thích ứng với biến đổi khí hậu hiệu quả do hệ thống cây trồng này có tác dụng hỗ trợ lẫn nhau trong việc điều hòa vi khí hậu, hạn chế bốc thoát hơi nước trên bề mặt đất và lá, cung cấp hữu cơ, cải tạo đất, hạn chế xói mòn và rửa trôi đất, giúp sản xuất cà phê bền vững hơn. Áp dụng công nghệ tưới tiết kiệm hợp lý cho cây trồng cũng là giải pháp kỹ thuật nhằm thích ứng với biến đổi khí hậu ở Tây Nguyên.

Bốn là, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ bảo quản, chế biến, đặc biệt là chế biến sâu các sản phẩm có thể mạnh của vùng như: Cà phê, cao su, chè, hồ tiêu, điều, rau - hoa... Thực tế cho thấy, chế biến là một trong những mắt xích quan trọng trong chuỗi giá trị nông sản và là động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội vùng Tây Nguyên. Theo đó, đối với những mặt hàng nông sản chủ lực, thời gian tới Tây Nguyên cần xây dựng thêm các cơ sở chế biến mới, đặc biệt chú ý đến vấn đề đổi mới công nghệ và thiết bị để nâng cao chất lượng sản phẩm. Riêng cà phê cần chú trọng thay đổi cơ cấu mặt hàng theo hướng chế biến sâu, chất lượng tốt, đồng thời tăng cường liên kết giữa người trồng và doanh nghiệp chế biến nhằm tạo sự phát triển bền vững. Với hồ tiêu cần đầu tư chế biến để tăng chủng loại, nâng cao chất lượng và vệ sinh an toàn thực phẩm ✍